

Số: 2501/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh về ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 312/TTr-SNV ngày 16 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các tổ chức hội, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Trưởng ban vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài tỉnh và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *7/11*

Nơi nhận:

- Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN;
- Bộ Ngoại giao;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT;
- CPVP;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, TH2.
- (V- b). *22*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Duy Thành



CHƯƠNG TRÌNH

**Tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2020
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Phần 1

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG

Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2020 -2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) của tỉnh được xây dựng trên cơ sở các văn bản sau:

1. Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 17/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019-2025;
2. Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/ 2020 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;
3. Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/03/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;
4. Quyết định số 151/QĐ-TU ngày 25/5/2016 của Tỉnh ủy về ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;
5. Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.
6. Quyết định 1448/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 18/6/2020 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng.

II. NGUYÊN TẮC VẬN ĐỘNG

1. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động vì mục đích nhân đạo và phát triển của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác phát triển khác, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác giữa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc với nhân dân các nước và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các bên và sự tham gia của người dân trong quá trình triển khai các hoạt động hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại tỉnh.

3. Xây dựng và tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác phát triển khác trên cơ sở đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam và các quy định của tỉnh.

4. Công tác vận động và tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài phải phù hợp với các quy định pháp luật Việt Nam và của tỉnh; phù hợp với nhu cầu, ưu tiên của các đơn vị, địa phương trong tỉnh; phù hợp với chính sách phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường hợp tác, vận động và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài để thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước và góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa tỉnh Vĩnh Phúc với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác đã và đang hoạt động tại tỉnh. Đồng thời mở rộng quan hệ với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác khác có tiềm năng.

b) Duy trì và nâng cao giá trị viện trợ, hiệu quả sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

c) Tăng cường giám sát, đánh giá, nâng cao năng lực hợp tác của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các đơn vị thụ hưởng tại tỉnh với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

d) Đảm bảo môi trường pháp lý phù hợp và thuận lợi cho hoạt động viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; nâng cao tính chủ động, phối kết hợp giữa các ngành, các địa phương và tổ chức đoàn thể trong việc thúc đẩy quan hệ với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

e) Làm cho bạn bè quốc tế hiểu về quan điểm, đường lối, chính sách đối ngoại cũng như chủ trương tích cực hội nhập quốc tế của Đảng, Nhà nước và của tỉnh.

IV. NỘI DUNG ƯU TIÊN HỢP TÁC

1. Định hướng chung

Công tác xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, lồng ghép với các chương trình xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới của tỉnh trên cơ sở các lợi thế, lĩnh vực ưu tiên của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài nhằm phát huy hiệu quả cao nhất các chương trình viện trợ; ưu tiên các khoản viện trợ có giá trị giải ngân và số người được thụ hưởng lớn, các chương trình, dự án dài hạn, có tính khả thi, bền vững và hiệu quả cao.

2. Định hướng ưu tiên theo lĩnh vực

2.1. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai và cứu trợ khẩn cấp

- Nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của chính quyền và cộng đồng về bảo vệ môi trường, phòng chống buôn bán, nuôi nhốt, giết hại các loài động vật hoang dã, thích ứng với những rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi; hỗ trợ xây dựng các bãi xử lý rác thải tập trung và mô hình xử lý rác hộ gia đình nông thôn: Xây dựng các cơ sở xử lý, chế biến và tái chế rác thải thành những sản phẩm thân thiện, có ích, các cơ sở xử lý nước thải, rác thải y tế... Phát triển hệ thống xử lý chất thải tại cụm dân cư, sử dụng khí sinh học làm chất đốt để nâng cao điều kiện vệ sinh môi trường, vùng nông thôn.

- Thúc đẩy các hoạt động tăng trưởng xanh tại địa phương: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo mô hình sinh thái hữu cơ; đẩy mạnh các phong trào sản xuất sạch như VAC, VACR; nghiên cứu áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, nghiên cứu thay thế vật liệu khó phân hủy, tiết kiệm năng lượng...; tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân giữ gìn môi trường sống sạch sẽ, hỗ trợ nhân dân mô hình giảm thiểu mất vệ sinh.

- Hỗ trợ các công trình cung cấp nước sạch cho những địa phương có nguồn nước bị ô nhiễm và các công trình năng lượng sạch.

- Phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai, trồng và bảo vệ rừng, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, hệ thống nhà chống lũ, đào tạo kỹ năng ứng phó khi xảy ra thiên tai...

- Lồng ghép các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu vào các hoạt động phát triển, nâng cao thu nhập; Tăng cường sự tham gia và hòa nhập của người khuyết tật vào chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai.

- Cứu trợ khẩn cấp, hỗ trợ tái thiết hạ tầng cơ sở và phục hồi sản xuất khắc phục hậu quả thiên tai.

- Bảo vệ và cải thiện môi trường sống, môi trường thiên nhiên, bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học, hỗ trợ quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững.

2.2 Giải quyết các vấn đề xã hội

- Giáo dục và giúp đỡ trẻ có hoàn cảnh khó khăn (như trẻ em mồ côi, khuyết tật, không nơi nương tựa).

- Hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam, người có hoàn cảnh khó khăn.

- Xây dựng nhà ở cho người nghèo, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và tài chính cho các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng yếu thế; Cung cấp tín dụng cho các hộ nghèo có sức lao động, có nhu cầu về vốn phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu cả mức vay, thời hạn vay phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao thu nhập cho các hộ nghèo, tự thoát nghèo.

- Phòng chống bạo lực gia đình, buôn bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em và hỗ trợ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

- Phòng chống HIV/AIDS, các bệnh xã hội và giảm tác hại từ ma túy;

- Hỗ trợ phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em.

- Hỗ trợ hộ nghèo phát triển kinh tế gia đình, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Đồng thời hỗ trợ thông tin thị trường, tiêu thụ sản phẩm.

- Tuyên truyền, phòng ngừa và giảm thiểu tai nạn giao thông và tai nạn do thiên tai.

2.3. Nông, lâm, ngư nghiệp, phát triển nông thôn

- Hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh: Hỗ trợ nông dân tiếp cận và sử dụng công nghệ cao trong việc sản xuất bảo quản và tiêu thụ nông sản mà họ sản xuất với giá trị kinh tế cao, an toàn cho người sử dụng....

- Phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đào tạo, tập huấn, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

- Hỗ trợ nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý nguồn lợi thủy sản ven bờ và quản lý môi trường, dịch bệnh thủy sản.

- Hạ tầng nông thôn: phát triển hạ tầng sản xuất như các công trình thủy lợi, trạm bơm, đường liên thôn, công trình nước sạch, nhà vệ sinh...

- Xây dựng nông thôn mới; phát triển ngành, nghề thủ công mỹ nghệ, sản xuất và dịch vụ nhỏ; hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế thông qua tăng cường thu nhập phi nông nghiệp; hỗ trợ đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp.

- Phòng chống và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Nghiên cứu khoa học nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn; hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng sản xuất vật nuôi, cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.4. Giáo dục, đào tạo và dạy nghề

- Hỗ trợ đào tạo giáo viên các cấp, ưu tiên giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, giáo viên dạy trẻ khuyết tật và giáo viên tại các cơ sở bảo trợ xã hội.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục: hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp và cải thiện cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục các cấp; hệ thống nhà bán trú; phát triển hệ thống thư viện phù hợp với yêu cầu của từng cấp; cung cấp thiết bị các phòng học ngoại ngữ, tin học cho các trường tiểu học, trung học; thiết bị dạy học và đồ chơi cho các trường mẫu giáo.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị, chuyên gia, giáo viên tay nghề cao cho các cơ sở dạy nghề; dạy nghề gắn với tạo việc làm cho các đối tượng yếu thế, thanh niên nghèo.

- Trao đổi giáo dục, hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, cung cấp giáo viên tình nguyện các chuyên ngành cho các trường đào tạo chuyên sâu, các trường phổ thông.

- Cấp học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt học sinh dân tộc thiểu số, học bổng đào tạo trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ dạy nghề sau tái hòa nhập cộng đồng.

- Hỗ trợ đào tạo công nghệ thông tin cho các trường phổ thông, nhất là các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

2.5. Y tế

- Đào tạo cán bộ y tế: Hỗ trợ đào tạo cán bộ y tế thông qua chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi phương pháp và nghiệp vụ; cấp học bổng đào tạo cán bộ y tế trong và ngoài nước.

- Phát triển hạ tầng cơ sở y tế: nâng cấp, xây dựng, cung cấp trang thiết bị, chuyển giao công nghệ... cho các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế cấp huyện và các trạm y tế cấp xã.

- Hỗ trợ việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế: các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, hỗ trợ và điều trị cho người có HIV/AIDS, phòng,

chống và giảm tác hại của ma túy, tuyên truyền về nguy cơ và hiểm họa, tuyên truyền sử dụng các biện pháp tránh thai an toàn; các hoạt động dân số như: kế hoạch hóa gia đình, kiểm soát tỷ lệ sinh, tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, giảm tử vong mẹ và tử vong trẻ em.

- Hỗ trợ các chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và cận thị học đường ở trẻ em, hỗ trợ cải thiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Hỗ trợ các hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

- Hỗ trợ các hoạt động khám chữa bệnh từ thiện và nhân đạo được tổ chức và quản lý chuyên ngành tại các trường học và tại cộng đồng ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ huấn luyện sơ cấp cứu ban đầu cho các tình nguyện viên tại cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, trường học.

- Hỗ trợ việc thực hiện các chương trình nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng, các bệnh truyền nhiễm, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ trong ứng phó và ngăn chặn các dịch bệnh trên diện rộng.

- Hỗ trợ xây dựng và nâng cao năng lực cho các trung tâm kiểm soát dịch bệnh tuyến tỉnh và tuyến huyện.

- Hỗ trợ xây dựng phần mềm quản lý hồ sơ bệnh án điện tử cho bệnh nhân;

- Hỗ trợ thành lập Quỹ ủng hộ cho bệnh nhân đặc biệt khó khăn và bệnh nhân không nơi nương tựa tại các bệnh viện.

2.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

- Hỗ trợ bảo tồn, nghiên cứu và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và văn hóa phi vật thể, văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số.

- Tăng cường, phát triển phong trào, hoạt động thể thao của toàn dân, thể dục thể thao trường học, hỗ trợ trang thiết bị thể thao cho cộng đồng, thể thao cho người khuyết tật ở các khu vực khó khăn, vùng nông thôn, miền núi.

- Hỗ trợ phát triển du lịch bền vững, du lịch xanh, du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng.

2.7. Khắc phục hậu quả chiến tranh

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến thời chiến đặc biệt là dữ liệu về các liệt sỹ còn mất tích trong chiến tranh.

- Hỗ trợ tìm kiếm tin tức thân nhân thất lạc do chiến tranh, thiên tai, thảm họa.

- Hỗ trợ nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin, nạn nhân bom mìn và vật liệu nổ.

- Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và tái định cư tại các vùng bị ô nhiễm bởi vật liệu chưa nổ và chất độc hóa học tồn lưu.

2.8. Tăng cường năng lực quản lý và phát triển nguồn lực

- Hỗ trợ đào tạo năng lực quản lý, ngoại ngữ, chuyên ngành ở trong và ngoài nước cho đội ngũ cán bộ quản lý địa phương.
- Tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, vừa và nhỏ, các đơn vị cung cấp dịch vụ kinh doanh, các doanh nghiệp xã hội.
- Hỗ trợ nâng cao năng lực nhận thức về giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

3. Định hướng theo địa bàn

Ưu tiên các huyện miền núi nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Nội dung ưu tiên cụ thể cần được xác định theo tình hình thực tế của mỗi địa phương.

3.1 Khu vực nông thôn và miền núi

- Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, công trình thủy lợi, hệ thống thông tin liên lạc, trường học, trạm xá...đặc biệt ở một số huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng nhiều đồng bào dân tộc thiểu số như Sông Lô, Tam Đảo, Lập Thạch và Tam Dương.
- Tổ chức đào tạo dạy nghề, tạo cơ hội việc làm cho lao động nông thôn, hỗ trợ các chương trình tài chính vi mô, hỗ trợ các Hợp tác xã.
- Hỗ trợ vốn, chuyển giao kỹ thuật, tạo đầu ra cho sản phẩm, giúp nông dân chuyển đổi mô hình, tập quán trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, sản xuất, kinh doanh cho phù hợp với tính chất và điều kiện đặc thù của từng địa phương.
- Tạo chuyển biến về vệ sinh môi trường và quy trình xử lý rác thải nông thôn;
- Trợ giúp người nghèo và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân số như kế hoạch hóa gia đình, kiểm soát tỉ lệ sinh, chăm sóc sức khỏe sinh sản...
- Hỗ trợ xây dựng kiên cố hóa hệ thống trường học, ưu tiên tập trung cho mầm non, mẫu giáo, tiểu học đồng thời hỗ trợ phát triển giáo dục thông qua các khóa đào tạo, tập huấn đội ngũ giáo viên đặc biệt ở các huyện vùng sâu vùng xa và khu vực có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.
- Phát triển mô hình phòng chống tệ nạn xã hội dựa vào cộng đồng.
- Bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học, bảo tồn các di sản văn hóa và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.2 Khu vực đô thị

- Tập trung hỗ trợ đào tạo dạy nghề gắn với việc làm. Tìm hiểu thị trường, đào tạo đúng nhu cầu của xã hội và của tỉnh.

- Phát triển ngành, nghề thủ công và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Nâng cao đời sống công nhân tại các khu công nghiệp đặc biệt là đời sống của công nhân nhập cư.
- Tập trung phát triển hạ tầng dân cư như hệ thống nước sạch, xử lý rác thải tại các khu vực dân cư cũng như trong các khu công nghiệp...
- Phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội.
- Hỗ trợ cải thiện đời sống công nhân, lao động nghèo tại các khu công nghiệp.
- Trợ giúp các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (Trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, người khuyết tật, người cao tuổi, người bị xâm hại, bị mua bán...)
- Bảo vệ và cải thiện môi trường giao thông đô thị.

Phần 2

BIỆN PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các đối tác khác viện trợ và triển khai kịp thời các chương trình, dự án hoạt động tại tỉnh.

Kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương; xây dựng cơ chế phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt việc đảm bảo nguồn kinh phí đối ứng cho các chương trình/dự án, kinh phí phục vụ việc triển khai công tác xúc tiến, vận động, xây dựng các chương trình/dự án và kinh phí khen thưởng trong công tác viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

Quan tâm việc khen thưởng cho những cá nhân, đơn vị đạt được những thành tích xuất sắc trong công tác xúc tiến, vận động và triển khai thực hiện công tác phi chính phủ nước ngoài; đồng thời phải kiên quyết xử lý các cá nhân, đơn vị có hành vi vi phạm pháp luật và các quy định trong quá trình xúc tiến, vận động và triển khai các chương trình/ dự án phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, đổi mới hình thức vận động xúc tiến viện trợ PCPNN

2.1 Công tác tuyên truyền

Tổ chức tốt việc thiết lập hệ thống thông tin từ Trung ương đến địa phương nhằm cung cấp và xây dựng các thông tin về nhu cầu cụ thể trong vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho từng lĩnh vực, từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

Quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, đoàn thể và người dân về công tác phi chính phủ nước ngoài và ý nghĩa của việc quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác phát triển nước ngoài khác.

Tăng cường hợp tác với các nhà tài trợ và cung cấp thông tin nhằm giới thiệu các nhu cầu của tỉnh với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, hướng viện trợ vào những lĩnh vực và địa bàn ưu tiên.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo nhằm trao đổi thông tin và kinh nghiệm triển khai dự án phi chính phủ nước ngoài giữa những cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; tiến hành phổ biến chi tiết, cụ thể các thông tin về chương trình/dự án cho các cơ quan liên quan và người dân.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp và nhân dân về vai trò và tầm quan trọng của viện trợ phi chính phủ nước ngoài đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của địa phương nói chung và cuộc sống của người dân nói riêng.

2.2. Hình thức vận động

Đa dạng hóa các phương thức vận động: không chỉ dừng lại ở phương thức đi vận động trực tiếp (*gặp gỡ tổ chức và xin viện trợ*) mà áp dụng các phương thức khác như kêu gọi trên internet, qua cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức...; các đoàn đi công tác nước ngoài của lãnh đạo tỉnh, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan huyện, thị, thành phố cần phối hợp lồng ghép vận động viện trợ phi chính phủ tại các nước.

Mỗi cơ quan, đơn vị ở các cấp, các ngành trở thành những đầu mối về công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của tỉnh; thường xuyên trao đổi thông tin về chương trình/dự án cần viện trợ; cùng nhau tham gia vận động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

Tăng cường phối hợp vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài thông qua các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam. Tăng cường tham gia cơ chế hợp tác quốc tế đa phương.

Chủ động xây dựng mạng lưới các chuyên gia, học giả, các nhà hoạt động xã hội học có uy tín, các doanh nhân đang sinh sống tại tỉnh và ở nước ngoài để đồng hành tham gia giới thiệu, kết nối quan hệ với các tổ chức phi chính phủ và các nhà tài trợ trong công tác vận động viện trợ.

3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát và đánh giá

Tăng cường công tác quản lý đi đôi với việc hướng dẫn chi tiết, rõ ràng và cụ thể các quy định của Nhà nước và của địa phương cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các đối tượng thụ hưởng nhằm tránh trường hợp vi phạm mà không hay biết.

Công khai quy trình, thủ tục và hồ sơ thẩm định, phê duyệt tiếp nhận các nguồn viện trợ trên website của tỉnh, của các cơ quan liên quan; cải tiến thủ tục thẩm định, phê duyệt, tiếp nhận theo hướng đảm bảo tính đồng bộ nhất quán, rõ ràng, dễ thực hiện nhằm giải quyết nhanh các thủ tục theo quy định đối với tất cả các nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên giám sát, kiểm tra và đánh giá việc triển khai thực hiện công tác xúc tiến, vận động, tiếp nhận, sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài để kịp thời rút kinh nghiệm, nhân rộng các hoạt động hiệu quả và kết quả của chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh hoặc chấn chỉnh các hoạt động chưa phù hợp, chưa đúng quy định.

Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp quản lý, đặt yêu cầu an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội lên hàng đầu khi triển khai xúc tiến, tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu toàn diện, liên thông đáp ứng yêu cầu tra cứu nhanh và chính xác về tình hình hợp tác, các chương trình/ dự án, các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài cần thu hút viện trợ của địa phương.

Đôn đốc, yêu cầu các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị thụ hưởng báo cáo kết quả hoạt động theo định kỳ.

Tăng cường phối hợp đi khảo sát thực tế, nắm bắt cụ thể tình hình quản lý và sử dụng nguồn viện trợ tại các cơ quan, đơn vị thụ hưởng chương trình/ dự án. Công khai, minh bạch các chương trình, dự án, các khoản viện trợ.

4. Xây dựng bộ máy và nâng cao năng lực cho cơ quan, tổ chức, cá nhân làm công tác viện trợ phi chính phủ nước ngoài

Củng cố và tăng cường hoạt động của Ban vận động viện trợ: họp giao ban định kỳ, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, sự đoàn kết của các thành viên trong Ban vận động, đảm bảo sự phối hợp trong việc giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả cho các cơ quan cấp trên; phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với nhà tài trợ; các thành viên trong Ban vận động kết hợp viết dự án và đi kêu gọi viện trợ; Ban vận động cần tổ chức các đoàn đi tham quan, trao đổi kinh nghiệm vận động tại các tỉnh trong nước và một số địa phương ở nước ngoài đạt được nhiều thành công trong công tác xúc tiến vận động viện trợ.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Thông tin đối ngoại và Xúc tiến viện trợ - Sở Ngoại vụ. Đây là cơ quan đầu mối của tỉnh về xúc tiến vận động

viện trợ phi chính phủ nước ngoài và là cơ quan giúp việc cho Ban Vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của tỉnh.

Các sở, ban, ngành và các cơ quan, hội, đoàn thể cần bố trí từ 1-2 cán bộ phụ trách công tác viện trợ phi chính phủ nước ngoài. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng vận động cho cán bộ làm công tác này.

Tại các huyện, thành phố cần thành lập bộ phận hoặc chỉ định một phòng chuyên môn có trách nhiệm triển khai công tác viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Cùng với việc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao đối với công tác viện trợ phi chính phủ nước ngoài, các sở, ngành, tổ chức đoàn thể, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị thụ hưởng trực tiếp cần tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm gồm:

1. Ban vận động viện trợ PCPNN tỉnh

- a) Đôn đốc, theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;
- b) Tổ chức các hoạt động vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài;
- c) Báo cáo, kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh nội dung định hướng vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài (nếu cần thiết) nhằm đáp ứng tình hình thực tiễn và nhiệm vụ mới.

2. Sở Ngoại vụ

- a) Quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ;
- b) Tổ chức các hoạt động vận động viện trợ và hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác khác theo quy định;
- c) Theo dõi, tổng hợp, chia sẻ thông tin về quan hệ hợp tác, công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài với các Bộ, cơ quan và địa phương;
- d) Hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài khác trong quan hệ hợp tác và viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho tỉnh phù hợp với quy định của Đảng, Nhà nước và của tỉnh;
- e) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho các cơ quan, tổ chức, địa phương về kiến thức và kỹ năng trong công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài và triển khai các chương trình, dự án do các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ nước ngoài khác tài trợ.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

- a) Xem xét cụ thể hóa nội dung công việc để triển khai Chương trình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Phối hợp vận động, kết nối và cung cấp thông tin vận động viện trợ, cung cấp các dự án kêu gọi viện trợ cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các cá nhân, tổ chức nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì việc xây dựng danh mục chương trình/dự án cần kêu gọi, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

b) Chủ trì thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài và phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát, kiểm tra tình hình tiếp nhận quản lý và sử dụng nguồn viện trợ.

c) Phối hợp, đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đối ứng (nếu có) từ nguồn vốn đầu tư nước ngoài theo quy định.

5. Công an tỉnh

a) Tham mưu cho UBND tỉnh về những vấn đề có liên quan đến an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong quan hệ với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

b) Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức tại địa bàn tỉnh về việc tiếp nhận, sử dụng, thực hiện các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

c) Tham gia công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

d) Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

6. Sở Tài chính.

a) Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

b) Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đối ứng (nếu có) từ nguồn chi thường xuyên cho các dự án phi chính phủ nước ngoài theo quy định.

7. Các sở, ban, ngành, tổ chức hội, đoàn thể và UBND các huyện, thành phố.

a) Hàng năm, căn cứ vào định hướng của Chương trình đề xuất các chương trình/dự án và các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài cần kêu gọi gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

b) Trực tiếp chỉ đạo các đơn vị trực thuộc được tiếp nhận viện trợ triển khai chương trình, dự án theo quy định. Khi phát sinh vướng mắc phải kịp thời thông báo cho các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.

c) Phối hợp quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn.

8. Ban Quản lý dự án, chủ khoản viện trợ và các đơn vị tiếp nhận viện trợ.

a) Chỉ được tiếp nhận khoản viện trợ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tăng cường phối hợp với các nhà tài trợ xây dựng hồ sơ chương trình/dự án trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt các khoản viện trợ của tổ chức phi chính phủ nước ngoài trước khi triển khai thực hiện.

c) Sử dụng nguồn viện trợ đúng nội dung dự án đã được ký kết, phê duyệt; chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về việc tiếp nhận, sử dụng và quản lý tài chính.

d) Báo cáo định kỳ và thường xuyên về tình hình, kết quả thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn về cơ quan quản lý trực tiếp và Sở Ngoại vụ.

e) Lập báo cáo quyết toán thu chi viện trợ theo quy định của Nhà nước theo định kỳ (*6 tháng và một năm*) gửi cơ quan quản lý trực tiếp tổng hợp báo cáo các cơ quan chức năng liên quan./.

9. Trung tâm Thông tin đối ngoại và Xúc tiến viện trợ- Sở Ngoại vụ

a) Tham mưu triển khai các hoạt động của Ban vận động viện trợ và Sở Ngoại vụ về công tác phi chính phủ nước ngoài theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Chủ trì tổ chức các hoạt động xúc tiến vận động viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác khác.

10. Kinh phí thực hiện

Kinh phí triển khai Chương trình này từ ngân sách nhà nước và kinh phí đóng góp từ các nguồn hợp pháp khác trong và ngoài nước. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí hàng năm phù hợp với nhiệm vụ được giao và quy định của Luật Ngân sách nhà nước./.